

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **379/2025/DS-ST**

Ngày 10 – 12 – 2025

V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hường.

Bà Đỗ Mỹ Lil.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú T, sinh năm: 1964 (Có mặt).

Số căn cước công dân: 096064003571, cấp ngày 23/11/2022.

Địa chỉ: Ấp M, xã S, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã S, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Phú T trình bày:

Ông có chơi hội do bà Lê Thị H làm chủ và đứng ra tổ chức thu tiền các hội viên. Trong quá trình tham gia chơi hội, bà H tuyên bố bẻ hội và còn nợ ông số tiền của 02 chung hội tại một dây hội, cụ thể như sau:

Vào ngày 25/08/2021 (âm lịch) ông có tham gia hội 1.000.000đồng/tháng (Một triệu đồng) của bà Lê Thị H, ông tham gia 02 chung (trong danh sách hội tên T), hội gồm 37 chung, ông đóng được 15 lần thì bà H đình hội, số tiền hội mà ông đã đóng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Từ ngày bà H đình hội đến nay ông có đòi nhiều lần nhưng bà H có hứa mà không trả cho ông.

Nay ông T yêu cầu Tòa án buộc bà H trả cho ông số tiền hội còn thiếu là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa ông T cho rằng số tiền hội 30.000.000 đồng chưa trừ tiền huê hồng hội nên ông đồng ý trừ 2.000. tiền huê hồng của hai Ông chỉ yêu cầu bà H thanh toán cho ông số tiền hội là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị H không gửi văn bản trình bày ý kiến, không gửi chứng cứ cho Tòa án.

Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập họp lệ nhiều lần song bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không nộp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hội, bà Lê Thị H là bị đơn, có nơi cư trú tại ấp M, xã S, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tụng dân sự.

[2] Bà Lê Thị H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Thị H thanh toán số tiền hội là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu, một trăm nghìn đồng). Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện và là quyền tự định đoạt của đương sự, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hội là 28.000.000 đồng, đây là tổng số tiền hội của 02 chung hội trong 01 dãy hội do bị đơn làm chủ hội, nguyên đơn là hội viên.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận tổ chức chơi hội giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Khi vợ chồng bà H tổ chức chơi hội, mời các hội viên cùng nhau góp vốn có lập danh sách hội viên tuy không đăng ký, không được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn và xác

nhận của Ban N, xã S nên đây là sự thật nguyên đơn không cần phải chứng minh. Đối với bà H quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà H không đến Tòa cũng không gửi ý kiến đề bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, không cung cấp chứng cứ chứng minh. Chính vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án hoàn toàn phù hợp.

Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền hui là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) là phù hợp.

[5] Trong số tiền hui nguyên đơn yêu cầu có phần lãi hui. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn không đặt ra yêu cầu điều chỉnh nên Hội đồng xét xử không xem xét việc điều chỉnh.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, 227, 228 của Bộ luật tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 15, Điều 18, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 23, Điều 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, phường.

Căn cứ Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Phú T.

Buộc bà Lê Thị H thanh toán cho ông Nguyễn Phú T số tiền hui là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Phú T có đơn yêu cầu thi hành án, bà Lê Thị H không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu số tiền 1.400.000 đồng (*Một triệu, bốn trăm nghìn đồng*, chưa nộp).

Ông Nguyễn Phú T không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Phú T được miễn dự nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra việc hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND nhân dân khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng thi hành án khu vực 3 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung

